

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN  
HỒNG HÀ SƠN LA**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-26
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-26

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SON LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/01/2015
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/01/2015
Ông Nguyễn Xuân Giáp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2016
Ông Bùi Quý Ba	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2016
Ông Nguyễn Tiến Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2016
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/01/2015 và miễn nhiệm ngày 24/10/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Giáp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/08/2016
Ông Nguyễn Tiến Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/01/2017
Ông Lê Văn Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/07/2016 và miễn nhiệm ngày 20/08/2016
Ông Phạm Văn Trung	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/11/2015 và miễn nhiệm ngày 21/07/2016

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Xuân Giáp**

Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 10 tháng 02 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được lập ngày 10 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

---

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SON LA**Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>96.755.497.339</b>	<b>31.058.844.008</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>21.649.208.654</b>	<b>147.531.498</b>
111	1. Tiền		1.649.208.654	147.531.498
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>38.418.471.620</b>	<b>2.103.461.500</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	29.699.951.961	1.671.961.500
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.718.519.659	431.500.000
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>36.417.819.458</b>	<b>27.381.240.005</b>
141	1. Hàng tồn kho		36.417.819.458	27.381.240.005
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>269.997.607</b>	<b>1.426.611.005</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	15.943.182	37.949.999
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		254.054.425	1.388.661.006
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>47.602.450.210</b>	<b>2.665.136.487</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>29.574.493.712</b>	<b>2.665.136.487</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	29.574.493.712	2.665.136.487
222	- Nguyên giá		31.409.058.979	2.862.003.954
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.834.565.267)	(196.867.467)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>-</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.000.000.000	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.027.956.498</b>	<b>-</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	4.027.956.498	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>144.357.947.549</b>	<b>33.723.980.495</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>98.480.298</b>	<b>20.990.651.330</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>98.480.298</b>	<b>20.990.651.330</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	44.550.000	13.262.701.330
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	25.833.833	-
314	3. Phải trả người lao động		28.000.000	58.200.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	319.750.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	96.465	-
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	7.350.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>144.259.467.251</b>	<b>12.733.329.165</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	13	<b>144.259.467.251</b>	<b>12.733.329.165</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		126.000.000.000	12.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		126.000.000.000	12.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.259.467.251	733.329.165
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		733.329.165	
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		17.526.138.086	733.329.165
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>144.357.947.549</b>	<b>33.723.980.495</b>

*Aaw*  
Đỗ Lê Oanh  
Người lập

*Aaw*  
Đỗ Lê Oanh  
Kế toán trưởng

*N*  
Nguyễn Xuân Giáp  
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 10 tháng 02 năm 2017





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SON LA**

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh  
Son La

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	167.111.627.366	48.227.361.860
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		167.111.627.366	48.227.361.860
11	4. Giá vốn hàng bán	16	148.572.887.879	46.258.338.463
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.538.739.487	1.969.023.397
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	3.625.684	1.598.825
22	7. Chi phí tài chính	18	221.790.641	319.750.000
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		221.790.641	319.750.000
25	8. Chi phí bán hàng	19	349.836.586	689.776.520
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	441.502.993	227.766.537
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.529.234.951	733.329.165
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		3.096.865	-
40	13. Lợi nhuận khác		(3.096.865)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.526.138.086	733.329.165
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.526.138.086	733.329.165
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	3.067	4.849

*Aaw*

*Aaw*



Đỗ Lê Oanh  
Người lập

Đỗ Lê Oanh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Giáp  
Tổng Giám đốc

Son La, ngày 10 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.526.138.086	733.329.165
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.637.697.800	196.867.467
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.625.684)	(1.598.825)
06	- Chi phí lãi vay		221.790.641	319.750.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.382.000.843	1.248.347.807
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(35.180.403.539)	(3.492.122.506)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.036.579.453)	(27.381.240.005)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(13.222.421.032)	13.320.901.330
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		233.449.839	(37.949.999)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(541.540.641)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.365.493.983)	(16.342.063.373)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(286.454.545)	(1.077.003.954)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.625.684	1.598.825
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(282.828.861)	(1.075.405.129)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		67.500.000.000	10.215.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		47.800.000.000	13.850.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(55.150.000.000)	(6.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		60.150.000.000	17.565.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		21.501.677.156	147.531.498
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		147.531.498	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	21.649.208.654	147.531.498

*Auw*  
Đỗ Lê Oanh  
Người lập

*Auw*  
Đỗ Lê Oanh  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
Nguyễn Xuân Giáp  
Tổng Giám đốc  
Sơn La, ngày 10 tháng 02 năm 2017



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 07 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 126.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 126.000.000.000 đồng; tương đương 12.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán buôn thực phẩm khác;
- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng: nông, lâm sản nguyên liệu, thành phẩm, thực phẩm. Đại lý các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm của Công ty tăng mạnh so với năm trước do sau một thời gian thành lập và tiếp cận thị trường Công ty ngày càng mở rộng sản xuất, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm cũng như có các đối tác chiến lược dẫn tới doanh thu kỳ này tăng đáng kể so với năm 2015.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.





## 2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

*Khoản đầu tư vào công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

## 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 07 - 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 02 - 08 năm |

## 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.15 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.16 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.17 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018), và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn kinh tế có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SON LA**Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh  
Son La**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**2.19 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	932.031.221	107.806.630
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	717.177.433	39.724.868
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
	<b>21.649.208.654</b>	<b>147.531.498</b>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 5,2%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	14.000.000.000	-	-	-
	<b>14.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	46,67%	46,67%	Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà tương ứng là giá trị phần vốn góp nhận được từ cổ đông là Ông Phạm Văn Trung tương đương với 1.400.000 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA**

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Tài Nguyên Đông Dương	1.241.981.143	-
- Công ty TNHH MTV Cường Sinh Yên Châu	5.819.637.706	-
- Công ty TNHH MTV Nông Sản Lương Sơn	10.920.298.500	-
- Công ty Cổ Phần Nông Sản Thực Phẩm Hồng Hà	11.718.034.612	-
- Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Và Phát Triển Hồng Hà	-	1.671.961.500
	<b>29.699.951.961</b>	<b>1.671.961.500</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ứng trước tiền thu mua nông sản cho nông dân	8.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Duyên Hải	310.000.000	-	310.000.000	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu An Việt Mỹ	397.605.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	10.914.659	-	121.500.000	-
	<b>8.718.519.659</b>	<b>-</b>	<b>431.500.000</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	-	6.045.000	-
Thành phẩm	36.417.819.458	-	15.346.227.005	-
Hàng hoá	-	-	12.028.968.000	-
	<b>36.417.819.458</b>	<b>-</b>	<b>27.381.240.005</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA**

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.785.000.000	1.077.003.954	2.862.003.954
- Mua trong kỳ	-	286.454.545	286.454.545
- Tặng do nhận góp vốn (*)	8.209.000.480	20.051.600.000	28.260.600.480
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.994.000.480</b>	<b>21.415.058.499</b>	<b>31.409.058.979</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	113.527.879	83.339.588	196.867.467
- Khấu hao trong kỳ	462.754.207	1.174.943.593	1.637.697.800
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>576.282.086</b>	<b>1.258.283.181</b>	<b>1.834.565.267</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.671.472.121	993.664.366	2.665.136.487
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>9.417.718.394</b>	<b>20.156.775.318</b>	<b>29.574.493.712</b>

(\*) Tài sản tăng do nhận góp vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm bao gồm: nhà xưởng, nhà kho chứa thành phẩm, hồ cấp liệu và các vật kiến trúc khác, dây chuyền chế biến tinh bột. Giá trị tài sản góp vốn được thống nhất giá trị bởi 100% cổ đông góp vốn trên cơ sở là chứng thư thẩm định giá số 593A/2016/CTTĐ-AVALUE/01 ngày 25/01/2016 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Avalue Việt Nam và chứng thư thẩm định giá số 0220716CT ngày 25/07/2016 của Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân. Các tài sản này được bàn giao từ bên góp vốn là ông Lê Văn Đức.

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.943.182	37.949.999
	<b>15.943.182</b>	<b>37.949.999</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	4.027.956.498	-
	<b>4.027.956.498</b>	-

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân	22.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Nông Sản Thực Phẩm Hồng Hà	22.550.000	-	-	-
Phải trả các hộ nông dân tiền mua nông sản	-	-	13.262.701.330	-
	<b>44.550.000</b>	<b>-</b>	<b>13.262.701.330</b>	<b>-</b>

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		27.012.500		1.178.667		-		25.833.833	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-		-	
	-		-		<b>30.012.500</b>		<b>4.178.667</b>		-		<b>25.833.833</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
- Bảo hiểm xã hội	79.532		-	
- Bảo hiểm y tế	11.784		-	
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.149		-	
	<b>96.465</b>		-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA**

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ trước	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	733.329.165	733.329.165
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>733.329.165</b>	<b>12.733.329.165</b>
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000	733.329.165	12.733.329.165
Tăng vốn trong năm nay (*)	114.000.000.000	-	114.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	17.526.138.086	17.526.138.086
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>18.259.467.251</b>	<b>144.259.467.251</b>

(\*) Trong năm Công ty thực hiện 02 đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2016. Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

- Đối với tài sản: tài sản nhận góp vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Đối với tiền: Số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền hàng và đầu tư vào các công ty khác cùng ngành hoặc phụ trợ cho hoạt động của Công ty.

**Chi tiết vốn tăng trong kỳ:**

	Số tiền VND
- Vốn góp bằng tiền	67.500.000.000
- Vốn góp bằng tài sản cố định (nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị)	28.260.600.480
- Vốn góp bằng tài sản là giá trị san lấp mặt bằng nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	4.239.399.520
- Vốn góp bằng giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết	14.000.000.000
	<b>114.000.000.000</b>

Trong đó, Giá trị tài sản cố định và giá trị san lấp mặt bằng góp vốn được thống nhất bởi 100% cổ đông góp vốn trên cơ sở là chứng thư thẩm định giá số 593A/2016/CTTĐ-AVALUE/01 ngày 25/01/2016 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Avalue Việt Nam và chứng thư thẩm định giá số 0220716CT ngày 25/07/2016 của Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Lê Văn Đức	15,00%	18.900.000.000	34,17%	4.100.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	3,10%	3.900.000.000	20,83%	2.500.000.000
Ông Phạm Văn Khuê	5,48%	6.900.000.000	0,00%	-
Ông Phạm Văn Trung	5,95%	7.500.000.000	0,00%	-
Ông Bùi Quý Ba	8,57%	10.800.000.000	0,00%	-
Bà Lê Thị Nam	5,36%	6.750.000.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Tiến Nam	5,24%	6.600.000.000	0,00%	-
Ông Vũ Anh Tuấn	5,71%	7.200.000.000	0,00%	-
Công ty cổ phần nông sản Thực Phẩm Hồng Hà	0,00%	-	45,00%	5.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	45,60%	57.450.000.000	0,00%	-
	<b>100%</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>12.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA**Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	126.000.000.000	12.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	12.000.000.000	-
- Vốn góp tăng trong năm	114.000.000.000	12.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	126.000.000.000	12.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.600.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.600.000	1.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.600.000	1.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	1.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**14 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	250,86	-

**15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	128.987.795.141	44.017.297.860
Doanh thu bán hàng hóa	38.123.832.225	4.210.064.000
	<b>167.111.627.366</b>	<b>48.227.361.860</b>

**16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	110.339.171.036	41.999.310.989
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.059.602.640	4.195.647.600
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất	174.114.203	63.379.874
	<b>148.572.887.879</b>	<b>46.258.338.463</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SON LA**Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.625.684	1.598.825
	<u><b>3.625.684</b></u>	<u><b>1.598.825</b></u>

**18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	221.790.641	319.750.000
	<u><b>221.790.641</b></u>	<u><b>319.750.000</b></u>

**19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	275.084.586	22.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.752.000	667.776.520
	<u><b>349.836.586</b></u>	<u><b>689.776.520</b></u>

**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.799.207	12.000.000
Chi phí nhân công	206.562.112	134.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.027.299	-
Thuế, phí, lệ phí	7.944.137	1.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.075.538	24.343.082
Chi phí khác bằng tiền	94.700	55.923.455
	<u><b>441.502.993</b></u>	<u><b>227.766.537</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA**

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b><i>Thuế TNDN từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn đặc biệt khó khăn</i></b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.590.978.268	733.329.165
Các khoản điều chỉnh tăng	13.881	-
- Chi phí không hợp lệ	13.881	-
Thu nhập tính thuế TNDN	17.590.992.149	733.329.165
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 10%)	1.759.099.215	73.332.917
Thuế TNDN được miễn giảm	(1.759.099.215)	(73.332.917)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn đặc biệt khó khăn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b><i>Thuế TNDN từ hoạt động thương mại</i></b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động thương mại	(64.840.182)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(64.840.182)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động thương mại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	17.526.138.086	733.329.165
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.526.138.086	733.329.165
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.714.534	151.238
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.067</b>	<b>4.849</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA**Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.343.055.170	56.650.520.400
Chi phí nhân công	756.062.112	409.900.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.511.913.593	149.987.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	333.983.356	719.249.603
Chi phí khác bằng tiền	257.088.837	333.423.455
	<b>132.202.103.068</b>	<b>58.263.081.051</b>

**24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.649.208.654	-	147.531.498	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.699.951.961	-	1.671.961.500	-
	<b>51.349.160.615</b>	<b>-</b>	<b>1.819.492.998</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	-	7.350.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	44.646.465	13.262.701.330
Chi phí phải trả	-	319.750.000
	<b>44.646.465</b>	<b>20.932.451.330</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA**

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

***Rủi ro về giá:***

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

***Rủi ro về lãi suất:***

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.649.208.654	-	-	21.649.208.654
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.699.951.961	-	-	29.699.951.961
	<b>51.349.160.615</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>51.349.160.615</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.531.498	-	-	147.531.498
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.671.961.500	-	-	1.671.961.500
	<b>1.819.492.998</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.819.492.998</b>

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG SƠN HÀ SƠN LA**Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh  
Sơn La**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	44.646.465	-	-	44.646.465
	<u>44.646.465</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.646.465</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	7.350.000.000	-	-	7.350.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	13.262.701.330	-	-	13.262.701.330
Chi phí phải trả	319.750.000	-	-	319.750.000
	<u>20.932.451.330</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>20.932.451.330</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Toàn bộ doanh thu trong năm của Công ty phát sinh từ hoạt động sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông sản như sản lát, ngô hạt sấy, tinh bột sắn và các sản phẩm nông nghiệp khác và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>Nhận góp vốn của chủ sở hữu</b>		<b>82.100.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	38.800.000.000	4.100.000.000
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên HĐQT	27.700.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	15.600.000.000	2.500.000.000
<b>Nhận chuyển nhượng vốn góp từ cổ đông khác</b>		<b>5.400.000.000</b>	<b>-</b>
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên HĐQT	5.400.000.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		184.000.000	102.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN HỒNG HÀ SƠN LA**

Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh  
Sơn La

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Đỗ Lê Oanh**  
Người lập



**Đỗ Lê Oanh**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Xuân Giáp**  
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 10 tháng 02 năm 2017